



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 | Fax: (84) 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 42

CT
HẠN
VÀ
ÍNH
HA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đậu Minh Lâm	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên
3. Ông Nguyễn Văn Xuân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22/01/2015)
4. Ông Nguyễn Hồng Phong	Thành viên
5. Ông Võ Anh Linh	Thành viên
6. Ông Nguyễn Thái Khanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Văn Độ	Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Lê Văn	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Công Khởi	Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Đậu Xuân Khánh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



A handwritten signature in blue ink, consisting of a series of loops and a long horizontal stroke extending to the right.

Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 64.03/2015/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2015, từ trang 6 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Tiến Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Như Phương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2013-072-1

110
C
ÁCH
IÊN
VÀ
QU
3 A

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		275.467.729.669	236.670.964.223
I. Tiền	110	V.1	47.761.558.972	12.714.935.932
1. Tiền	111		41.263.682.177	7.333.903.103
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.497.876.795	5.381.032.829
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	200.000.000	936.671.105
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.175.000.000	1.985.671.105
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(975.000.000)	(1.049.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		126.249.499.970	116.917.553.643
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	130.462.131.147	120.728.377.958
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	6.816.510.811	6.888.284.818
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	5.850.238.332	4.808.050.879
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(16.879.380.320)	(15.507.160.012)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	71.464.745.136	75.033.350.057
1. Hàng tồn kho	141		71.464.745.136	75.033.350.057
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.791.925.591	31.068.453.486
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.329.393	113.481.339
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		124.525.761	107.621.501
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		762.147.030	834.293.293
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	28.888.923.407	30.013.057.353

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.421.597.037	85.048.044.205
I. Tài sản cố định	220		10.893.706.303	48.649.829.608
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.207.580.561	42.850.281.642
- Nguyên giá	222		21.623.915.350	110.636.392.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.416.334.789)	(67.786.110.540)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	59.277.780	172.700.004
- Nguyên giá	228		378.200.000	378.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(318.922.220)	(205.499.996)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	5.626.847.962	5.626.847.962
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		34.216.019.385	35.959.358.199
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	21.702.512.373	21.702.512.373
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	V.13	18.878.375.000	18.878.375.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	6.020.000.000	6.020.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(12.384.867.988)	(10.641.529.174)
III. Tài sản dài hạn khác	260		311.871.349	438.856.398
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		145.083.749	272.068.798
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	166.787.600	166.787.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		320.889.326.706	321.719.008.428

123
 T Y
 HỮU
 ƠN V
 CHỈ
 TẾ
 TP.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		132.874.014.819	135.359.114.048
I. Nợ ngắn hạn	310		130.270.068.458	132.726.619.435
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	13.478.464.493	8.696.770.941
2. Phải trả cho người bán	312	V.18	28.098.979.036	34.073.252.224
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	14.916.383.091	30.575.832.963
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	28.767.980.027	23.596.405.058
5. Phải trả người lao động	315		1.084.802.846	602.337.699
6. Chi phí phải trả	316	V.21	3.977.830.850	8.942.952.399
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	39.745.396.462	26.038.836.498
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		200.231.653	200.231.653
II. Nợ dài hạn	330		2.603.946.361	2.632.494.613
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.100.000.000	1.100.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	230.800.000	230.800.000
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.273.146.361	1.301.694.613
B. NGUỒN VỐN	400		188.015.311.887	186.359.894.380
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	188.015.311.887	186.359.894.380
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.684.253.731	115.684.253.731
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		24.225.192.271	24.225.192.271
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.421.003.330	3.421.003.330
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(55.315.137.445)	(56.970.554.952)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		320.889.326.706	321.719.008.428



Nguyễn Văn Độ
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Văn Hội
 Kế toán trưởng

Trần Thị Len
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		117.686.336.900	100.987.254.659
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	117.686.336.900	100.987.254.659
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	104.260.135.249	89.070.284.333
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.426.201.651	11.916.970.326
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	782.706.845	817.690.926
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.524.977.372	3.188.714.614
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.252.132.801	2.322.985.393
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.134.999.292	1.409.017.005
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	15.938.269.895	10.369.740.981
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.389.338.063)	(2.232.811.348)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	46.946.958.943	16.562.474.822
12. Chi phí khác	32	VI.7	38.902.203.373	13.776.966.121
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	8.044.755.570	2.785.508.701
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.655.417.507	552.697.353
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.655.417.507	552.697.353



Nguyễn Văn Độ
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Văn Hội
 Kế toán trưởng

Trần Thị Len
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		1.655.417.507	552.697.353
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		4.868.035.140	5.916.364.659
Các khoản dự phòng	03		3.041.559.122	(1.136.477.829)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(48.000.000)	(1.280.214.234)
Chi phí lãi vay	06		1.252.132.801	2.322.985.393
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		10.769.144.570	6.375.355.342
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(14.076.031.416)	9.173.159.521
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		3.568.604.921	2.940.406.182
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11		(8.001.499.626)	(1.364.847.109)
Giảm chi phí trả trước	12		224.136.995	17.231.000
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.252.132.801)	(1.760.476.252)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.767.777.357)	15.380.828.684
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		38.250.000.000	16.399.895.509
3. Thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27		782.706.845	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		39.032.706.845	16.399.895.509
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.942.944.641	22.618.527.241
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.161.251.089)	(49.656.034.228)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.781.693.552	(27.037.506.987)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		35.046.623.040	4.743.217.206
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		12.714.935.932	7.971.718.726
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70		47.761.558.972	12.714.935.932



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Văn Hội
Kế toán trưởng

Trần Thị Len
Người lập biểu

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn Thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 12 năm 2004. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 8 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh, hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 04 tháng 03 năm 2013.

Công ty có tên giao dịch: Post and Telecommunications investment anh Construction Joint stock company (Ptic.,JSC)

Trụ sở chính của Công ty tại thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Danh sách các cổ đông sáng lập theo Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Tài chính Bưu điện	Phổ thông	157.800	1.578.000.000	1,58
2	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Phổ thông	3.000.000	30.000.000.000	30
3	Nguyễn Phong	Phổ thông	63.880	638.800.000	0,64

Các đơn vị trực thuộc

- Xí nghiệp 1
- Xí nghiệp 2 (thu hẹp hoạt động từ năm 2013)
- Xí nghiệp 3
- Xí nghiệp 4 (thu hẹp hoạt động từ năm 2013)
- Xí nghiệp 5
- Xí nghiệp 6 (thu hẹp hoạt động từ năm 2010, quyết định giải từ ngày 14/5/2011 của HĐQT)
- Xí nghiệp 7
- Xí nghiệp Dịch vụ kỹ thuật Viễn Thông (thu hẹp hoạt động từ năm 2013)
- Xí nghiệp Tư vấn thiết kế (thu hẹp hoạt động từ năm 2013)
- Xí nghiệp Khảo sát thiết kế (thu hẹp hoạt động từ năm 2013)
- Nhà máy Vật liệu Viễn thông 1 (ngừng sản xuất từ ngày 09 tháng 11 năm 2009)
- Chi nhánh Miền trung (thu hẹp hoạt động từ ngày 31 tháng 03 năm 2013)
- Chi nhánh Hồ Chí Minh

N:01
 TRÁC
 KIỆ
 TỬ V
 QI
 ING

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện có 01 Công ty con cụ thể như sau:

Tên Công ty : Công ty Cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ Viễn thông
Địa chỉ : Lô 17H2 khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Hoạt động chính : Sản xuất, kinh doanh thiết bị viễn thông

Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2014: 21.702.512.373 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 72,97%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 72,97%

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột anten;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thiết kế quy hoạch mặt bằng, kiến trúc nội thất: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định pháp luật;
- Khảo sát công trình xây dựng;
- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng.
- Lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng sửa chữa, trợ giúp vận hành và khai thác các công trình, thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học;

1177
ÔNG
NHIỆM
TỔ
N TÀI
ÔC
TÀI-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động viễn thông có dây (Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông không dây (Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Đại lý bảo hiểm;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký kinh doanh).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15 tháng 02 năm 2010.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

123
T
HỮU
ÁN
CH
TÊ
TP

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

HẠN
VÀ
TÍNH
HÀ

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết được kế toán và trình bày trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của khoản đầu tư tại ngày lập Báo cáo tài chính là tài sản thực đã đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết, được đánh giá hợp lý và/hoặc được các đồng chủ sở hữu (nếu có) hoặc của bên chuyển nhượng khoản đầu tư chấp nhận.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là các khoản thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư tương ứng. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Các khoản đầu tư được phân loại và trình bày trên Báo cáo tài chính dựa vào thời gian thu hồi hoặc đáo hạn. Cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ thời điểm phát sinh được coi là khoản “trung đương tiền”;
- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn đến một (01) năm hoặc một (01) chu kỳ kinh doanh được phân loại là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn;
- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trên một (01) năm hoặc một (01) chu kỳ kinh doanh được phân loại là khoản đầu tư tài chính dài hạn;

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính khác tại ngày lập Báo cáo tài chính được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư khác.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo giá trị còn lại của phần tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại cổ phiếu quỹ tài phát hành sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Báo cáo tài chính là số lũy kế của kết quả hoạt động kinh doanh chưa quyết toán hoặc chưa được phân phối lại tại ngày lập báo cáo. Đại hội đồng cổ đông sẽ phê duyệt Báo cáo tài chính và thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập các quỹ, chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn hoặc để lại bổ sung vốn kinh doanh phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành, theo Điều lệ Công ty và các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội cổ đông.

V. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất và cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia và quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Theo đó, Báo cáo bộ phận của Công ty được chia làm 2 loại: Báo cáo bộ phận chính yếu và Báo cáo bộ phận thứ yếu. Theo chính sách chung của Công ty, Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên các tiêu thức doanh thu, kết quả kinh doanh và tổng tài sản bao gồm 2 lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Là hoạt động về xây lắp các công trình.
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: Hoạt động chủ yếu bán hàng hóa, thành phẩm cấp.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày tại thuyết minh số VII.2

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty áp dụng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 22%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

773
IG
EM
FOA
TÀ H
27
1-3

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	75.963.783	29.804.430
Tiền gửi ngân hàng	41.187.718.394	7.304.098.673
Các khoản tương đương tiền (*)	6.497.876.795	5.381.032.829
Cộng	47.761.558.972	12.714.935.932

(*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 09/05/2012/HDTGNH ngày 09/05/2012. Đến thời điểm tất toán, Công ty không có nhu cầu tất toán nên gốc và lãi đã tự động quay vòng theo kỳ hạn trên hợp đồng và hưởng lãi suất tại thời điểm quay vòng.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.175.000.000	1.175.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ viễn thông và in Bưu điện	1.175.000.000	1.175.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	810.671.105
- Cho vay cá nhân	-	810.671.105
Cộng	1.175.000.000	1.985.671.105
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(975.000.000)	(1.049.000.000)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	200.000.000	936.671.105

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng thương mại	2.873.944.700	1.735.555.285
Phải thu khách hàng sản phẩm xây lắp	95.588.719.019	105.484.817.274
Phải thu khách hàng sản phẩm khác	31.999.467.428	13.508.005.399
Cộng	130.462.131.147	120.728.377.958

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt,

Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	1.646.295.000
Công ty TNHH Hưng Nguyên	1.238.690.800	1.238.690.800
Đối tượng khác	3.931.525.011	4.003.299.018
Cộng	6.816.510.811	6.888.284.818

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ban quản lý dự án tại thành phố Vinh	1.077.164.940	1.025.841.054
Tiền cổ tức phải thu	493.000.000	493.000.000
BHXH, BHYT phải thu CBCNV	611.546.900	95.979.909
Các đối tượng khác	3.668.526.492	3.193.229.916
Cộng	5.850.238.332	4.808.050.879

6. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Số đầu kỳ	15.507.160.012	17.413.044.153
Trích lập dự phòng bổ sung	2.458.485.275	-
Hoàn nhập dự phòng	(1.086.264.967)	(1.905.884.141)
Số cuối kỳ	16.879.380.320	15.507.160.012

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.077.211	274.673.350
Công cụ, dụng cụ	16.629.889	7.568.732
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	70.297.535.328	74.397.990.440
Thành phẩm	391.337.917	12.879.687
Hàng hóa	739.164.791	287.218.480
Hàng gửi đi bán	-	53.019.368
Cộng	71.464.745.136	75.033.350.057
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	71.464.745.136	75.033.350.057

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆNThôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt,
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)**

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu điện:	38.065.336.704	33.720.764.621
- Xây lắp nhà chính TTVT6 Đăk-Lăk, Đăk-	-	22.920.000
- Công trình Nhà văn hóa tỉnh Lâm Đồng	773.668.685	352.498.084
- Trung tâm viễn thông Kim Động - Viễn thông Hưng Yên	34.200.000	28.200.000
- Xây dựng hệ thống cống bể ngầm Khu đô thị Nghĩa Đô	696.845.510	696.845.510
- Tòa nhà Viettel Thái Nguyên	1.240.165.858	566.463.163
- Tòa nhà Viettel Phú Yên	111.811.541	111.811.541
- Trụ sở Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Đà Lạt	2.368.754.333	692.365.982
- Chi phí SXKD dở dang khác	1.126.448.599	5.280.784
- Bất động sản đầu tư	31.713.442.179	31.244.379.557
+ Dự án tiêu khu đô thị VT & Công nghệ thông tin Nghệ An	31.713.442.179	31.244.379.557
Các đơn vị trực thuộc	32.232.198.624	40.677.225.819
Cộng	70.297.535.328	74.397.990.440

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.719.700.609	1.719.700.609
Tạm ứng	26.878.302.503	27.975.436.449
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	290.920.295	317.920.295
Cộng	28.888.923.407	30.013.057.353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	27.524.208.620	73.836.831.749	7.136.690.458	2.138.661.355	110.636.392.182
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(22.318.327.004)	(66.694.149.828)			(89.012.476.832)
Tại ngày 31/12/2014	5.205.881.616	7.142.681.921	7.136.690.458	2.138.661.355	21.623.915.350
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	10.866.204.772	48.370.294.405	6.410.950.008	2.138.661.355	67.786.110.540
Tăng khấu hao trong năm	1.133.561.073	3.113.670.359	204.048.240		4.451.279.672
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(9.045.968.013)	(46.775.087.410)			(55.821.055.423)
Tại ngày 31/12/2014	2.953.797.832	4.708.877.354	6.614.998.248	2.138.661.355	16.416.334.789
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	16.658.003.848	25.466.537.344	725.740.450	-	42.850.281.642
Tại ngày 31/12/2014	2.252.083.784	2.433.804.567	521.692.210	-	5.207.580.561



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2014	378.200.000	378.200.000
Tại ngày 31/12/2014	378.200.000	378.200.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2014	205.499.996	205.499.996
Khấu hao trong năm	113.422.224	113.422.224
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC		
Tại ngày 31/12/2014	318.922.220	318.922.220
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2014	172.700.004	172.700.004
Tại ngày 31/12/2014	59.277.780	59.277.780

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	589.446.250	589.446.250
- Mua đất tại thành phố Hồ Chí Minh	589.446.250	589.446.250
Xây dựng cơ bản dở dang	5.037.401.712	5.037.401.712
- Dự án đất C30 TP Hồ Chí Minh	5.037.401.712	5.037.401.712
Cộng	5.626.847.962	5.626.847.962

7715
NG
HIỆM
TOÁN
TÀI
C T
VI-T

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	2.170.251	21.702.512.373	2.170.251	21.702.512.373
Cộng	2.170.251	21.702.512.373	2.170.251	21.702.512.373

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	Hà Nội	72,97%	72,97%	Sản xuất, kinh doanh thiết bị công nghệ, viễn thông

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Đầu tư vào Công ty liên kết	2.694.250	18.878.375.000	2.694.250	18.878.375.000
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam Vina_Ofc	2.227.500	14.210.875.000	2.227.500	14.210.875.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	466.750	4.667.500.000	466.750	4.667.500.000
Cộng	2.694.250	18.878.375.000	2.694.250	18.878.375.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt,

Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B09 - DN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (TIẾP THEO)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cáp Quang Việt Nam Vina_Ofc	Hà Nội	25,00%	25,00%	Sản xuất, kinh doanh sợi cáp quang, thiết bị, vật tư công nghệ, viễn thông
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	Đà Nẵng	46,73%	46,73%	Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty Cổ phần Công nghệ cáp quang và Thiết bị Bưu điện	493.000	4.930.000.000	493.000	4.930.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bưu điện Hà Tĩnh	84.000	840.000.000	84.000	840.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bưu chính Viễn Thông	25.000	250.000.000	25.000	250.000.000
Cộng	602.000	6.020.000.000	602.000	6.020.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Số đầu kỳ	10.641.529.174	9.821.799.953
Trích lập dự phòng bổ sung	1.743.338.814	579.308.583
Hoàn nhập dự phòng		(240.420.638)
Số cuối kỳ	12.384.867.988	10.641.529.174

16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản VND	Tổng cộng VND
Số đầu kỳ	166.787.600	166.787.600
Số cuối kỳ	166.787.600	166.787.600

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay tổ chức, cá nhân khác		
- Vay cá nhân (i)	13.478.464.493	8.447.170.941
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	249.600.000
Cộng	13.478.464.493	8.696.770.941

(i) Vay cá nhân là các khoản huy động vốn ngắn hạn Cán bộ công nhân viên Công ty và các đối tượng khác với lãi suất thỏa thuận để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty, thời hạn vay từ 1 đến 12 tháng.

18. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả người bán hàng thương mại	2.169.936.000	814.657.500
Phải trả người bán hàng sản phẩm xây lắp	25.327.000.966	26.031.110.766
Phải trả người bán sản phẩm, dịch vụ khác	602.042.070	7.227.483.958
Cộng	28.098.979.036	34.073.252.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Người mua trả tiền trước về BĐS	-	5.664.360.000
Người mua trả tiền trước về xây lắp	13.568.997.474	24.339.610.057
Người mua trả tiền trước về khoản khác	1.347.385.617	571.862.906
Cộng	14.916.383.091	30.575.832.963

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	19.657.131.157	14.756.200.416
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.202.612.947	4.095.354.702
Thuế thu nhập cá nhân	723.543.755	609.965.747
Thuế chuyển quyền sử dụng đất	1.870.156.850	1.853.092.850
Thuế khác	2.314.535.318	2.281.791.343
Cộng	28.767.980.027	23.596.405.058

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	562.509.141
Chi phí dự án, công trình	3.696.451.010	7.913.626.521
Chi phí kiểm toán	180.000.000	-
Chi phí dịch vụ Funvoice	101.379.840	466.816.737
Cộng	3.977.830.850	8.942.952.399

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	806.404.717	314.180.300
BHXH, BHYT, BHTN	1.438.265.591	1.444.614.974
Phải trả cổ phần hóa	51.520.000	-
Cổ tức lợi nhuận phải trả	1.198.575.000	1.198.750.000
Các khoản phải trả khác	36.250.631.154	23.081.291.224
- Các chủ nhiệm chi phí công trình	35.602.381.919	22.008.257.001
- Các khoản phải trả khác	648.249.235	1.073.034.223
Cộng	39.745.396.462	26.038.836.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (*)	230.800.000	230.800.000
Cộng	230.800.000	230.800.000

(*) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 99.247673.TD ngày 05/11/2010 để mua 2 xe ô tô Toyota Fortuner, thời hạn vay từ ngày 05/11/2010 đến ngày 05/11/2015, lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân là 14,5% và sẽ được thay đổi theo quy định hợp đồng.

0101
C
TRÁCH
KIỂM
Ư VÀ
QU
3 A

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2013	100.000.000.000	128.579.026.190	(15.905.103.159)	-	24.225.192.271	3.421.003.330	(57.523.252.305)	182.796.866.327
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	552.697.353	552.697.353
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	15.905.103.159	-	-	-	-	15.905.103.159
Giảm khác (*)	-	(12.894.772.459)	-	-	-	-	-	(12.894.772.459)
Số dư tại 31/12/2013	100.000.000.000	115.684.253.731	-	-	24.225.192.271	3.421.003.330	(56.970.554.952)	186.359.894.380
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	1.655.417.507	1.655.417.507
Số dư tại 31/12/2014	<u>100.000.000.000</u>	<u>115.684.253.731</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>24.225.192.271</u>	<u>3.421.003.330</u>	<u>(55.315.137.445)</u>	<u>188.015.311.887</u>

(*) Giảm do bán cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 149/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆNThôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt,
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	30.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông, thành viên	100.000.000.000	70.000.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

b) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu mua lại (*)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

(*) Trong năm 2013 Công ty quyết định bán 500.000 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 149/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2013.

23
TY
HỮU
IN
CHI
TÊN
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt,

Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. DOANH THU**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.121.680.000	7.571.265.000
Doanh thu hoạt động xây lắp	103.278.148.695	80.102.645.923
Doanh thu khác (*)	7.286.508.205	13.313.343.736
Cộng	117.686.336.900	100.987.254.659
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.686.336.900	100.987.254.659

(*) Doanh thu khác trong năm là doanh thu từ cho thuê trạm BTS.

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	5.492.641.326	6.654.440.829
Giá vốn hoạt động xây lắp	96.160.085.333	76.924.470.922
Giá vốn hoạt động khác	2.607.408.590	5.491.372.582
Cộng	104.260.135.249	89.070.284.333

3. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	782.706.845	817.690.926
Cộng	782.706.845	817.690.926

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.781.638.558	2.322.985.393
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.743.338.814	865.729.221
Cộng	3.524.977.372	3.188.714.614

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân công	183.785.566	244.613.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.238.294	241.272.727
Chi phí bằng tiền khác	908.975.432	923.130.521
Cộng	1.134.999.292	1.409.017.005

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.957.456.965	3.630.925.073
Chi phí đồ dùng văn phòng	136.978.418	63.044.147
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.235.722.851	4.812.394.862
Thuế, phí và lệ phí	620.218.891	699.155.690
Chi phí dự phòng	1.372.220.308	(1.905.884.141)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	434.715.563	367.422.399
Chi phí bằng tiền khác	4.180.956.899	2.702.682.951
Cộng	15.938.269.895	10.369.740.981

7. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	46.446.980.882	15.795.350.054
Thu nhập từ cho thuê sân tennis	-	74.615.345
Thu nhập khác	499.978.061	692.509.423
Cộng thu nhập khác	46.946.958.943	16.562.474.822
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	32.890.923.571	12.490.658.902
Nộp phạt vi phạm hành chính, hợp đồng	5.813.343.438	1.181.764.242
Chi phí khác	197.936.364	104.542.977
Cộng chi phí khác	38.902.203.373	13.776.966.121
Lợi nhuận từ hoạt động khác	8.044.755.570	2.785.508.701

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.390.733.286	27.301.486.296
Chi phí nhân công	39.526.327.596	27.357.138.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.451.279.672	5.788.957.633
Thuế, phí và lệ phí	620.218.891	699.155.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.807.893.999	12.833.766.720
Chi phí bằng tiền khác	5.089.932.331	8.469.379.477
Cộng	111.886.385.775	82.449.884.584

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.17 “*Vay và nợ ngắn hạn*”, V.23 “*Vay và nợ dài hạn*” trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV. “*Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu*”.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.761.558.972	12.714.935.932
Phải thu khách hàng và phải thu khác	119.432.989.159	110.029.268.825
Đầu tư ngắn hạn	200.000.000	936.671.105
Đầu tư dài hạn	6.020.000.000	6.020.000.000
Cộng	173.414.548.131	129.700.875.862
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	13.709.264.493	8.927.570.941
Phải trả người bán và phải trả khác	68.944.375.498	61.212.088.722
Chi phí phải trả	3.977.830.850	8.942.952.399
Cộng	86.631.470.841	79.082.612.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản tài chính và công nợ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản (USD)	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	473,94	580,55
Cộng	473,94	580,55

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2014			
Các khoản vay	13.478.464.493	230.800.000	13.709.264.493
Phải trả người bán và phải trả khác	67.844.375.498	1.100.000.000	68.944.375.498
Chi phí phải trả	281.379.840	3.696.451.010	3.977.830.850
Cộng	81.604.219.831	5.027.251.010	86.631.470.841
Tại ngày 01/01/2014			
Các khoản vay	8.696.770.941	230.800.000	8.927.570.941
Phải trả người bán và phải trả khác	60.112.088.722	1.100.000.000	61.212.088.722
Chi phí phải trả	1.029.325.878	7.913.626.521	8.942.952.399
Cộng	69.838.185.541	9.244.426.521	79.082.612.062

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.761.558.972		47.761.558.972
Phải thu khách hàng và phải thu khác	119.432.989.159		119.432.989.159
Đầu tư ngắn hạn	200.000.000		200.000.000
Đầu tư dài hạn		6.020.000.000	6.020.000.000
Cộng	167.394.548.131	6.020.000.000	173.414.548.131
Tại ngày 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.714.935.932	-	12.714.935.932
Phải thu khách hàng và phải thu khác	110.029.268.825	-	110.029.268.825
Đầu tư ngắn hạn	936.671.105	-	936.671.105
Đầu tư dài hạn	-	6.020.000.000	6.020.000.000
Cộng	123.680.875.862	6.020.000.000	129.700.875.862

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm 2014 như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tiền lương	568.965.376	565.961.230
Cộng	568.965.376	565.961.230

Các bên liên quan có giao dịch trong năm 2014 như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập		
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông	-	43.500.000
- Bù trừ công nợ thương CBCNV vì sự nghiệp ngành Bưu điện	-	43.500.000
Cộng	-	43.500.000
Chi phí		
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	270.911.191	-
- Tiền phạt chậm thanh toán tiền	270.911.191	-
Cộng	270.911.191	-

Số dư Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 giữa các bên liên quan như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần PTIC - ZTE Công nghệ Viễn thông	52.221.813	52.221.813
- Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	52.221.813	52.221.813
Công ty Cổ phần Công nghệ cáp quang và Thiết bị Bưu điện	493.000.000	493.000.000
- Phải thu cổ tức	493.000.000	493.000.000
Cộng	545.221.813	545.221.813
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần PTIC - ZTE Công nghệ Viễn thông	83.194.370	97.594.370
- Phải trả tiền hàng và dịch vụ cung cấp	83.194.370	97.594.370
Công ty CP Xây lắp Bưu điện Miền Trung	2.873.025.567	2.967.643.080
- Phải trả tiền hàng và dịch vụ cung cấp	2.873.025.567	2.602.114.376
Cộng	2.956.219.937	3.065.237.450

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động - Bộ phận xây dựng và Bộ phận kinh doanh thương mại. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận xây dựng - Xây dựng công trình theo hợp đồng
Bộ phận kinh doanh thương mại - Bán hàng hóa, thành phẩm cấp.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

	Xây dựng	Kinh doanh thương mại	Khác	Tổng cộng
	31/12/2014	31/12/2014	31/12/2014	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	181.697.342.232	6.015.883.948	2.696.887.680	190.410.113.860
Tài sản không phân bổ				130.479.212.846
Tổng tài sản				320.889.326.706
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	120.672.075.889	2.169.936.000		122.842.011.889
Nợ phải trả không phân bổ				10.032.002.930
Tổng nợ phải trả				132.874.014.819

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt,

Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B09 - DN**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****3. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Xây dựng	Kinh doanh thương mại	Khác	Tổng cộng
	Năm 2014	Năm 2014	Năm 2014	Năm 2014
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	103.278.148.695	7.121.680.000	7.286.508.205	117.686.336.900
Tổng doanh thu	103.278.148.695	7.121.680.000	7.286.508.205	117.686.336.900
Chi phí kinh doanh theo bộ phận	96.160.085.333	5.492.641.326	2.607.408.590	104.260.135.249
Kết quả kinh doanh bộ phận	7.118.063.362	1.629.038.674	4.679.099.615	13.426.201.651
Chi phí không phân bổ				(17.073.269.187)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(3.647.067.536)
Doanh thu tài chính				782.706.845
Chi phí tài chính				(3.524.977.372)
Lãi (lỗ) hoạt động khác				8.044.755.570
Lợi nhuận trước thuế				1.655.417.507
Lợi nhuận trong năm				1.655.417.507

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 26/01/2015, Hội đồng quản trị đã thông qua việc giải thể, chấm dứt hoạt động các chi nhánh thuộc Công ty có tên dưới đây chậm nhất ngày 31/3/2015:

- Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện - Nhà máy vật liệu viên thông 1
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện - Xí nghiệp số 1
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện - Xí nghiệp số 2
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện - Xí nghiệp số 4
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện - Xí nghiệp dịch vụ kỹ thuật viên thông
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện - Xí nghiệp tư vấn thiết kế

Lý do chấm dứt hoạt động: Theo định hướng phát triển, tái cơ cấu, tổ chức lại hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Văn Hội
Kế toán trưởng

Trần Thị Len
Người lập biểu